

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Đức

2. Ông Lưu Huy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/02/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Hồng Nh**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Quang L**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ 3, ấp PhTh, xã ThPh, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 20/02/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Hồng Nh trình bày: Bà và ông Lê Quang L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 10/7/2012. Sau khi kết hôn bà và ông L sống chung với gia đình ông L tại tổ 3, ấp Phú Thành, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông L ham chơi, không lo làm ăn để chăm lo cho vợ con dẫn đến cuộc sống vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, xô xát với nhau. Quá trình chung sống, bà và ông L có 2 con chung tên Lê Thái B, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Đức D, sinh ngày 26/5/2016. Ngoài ra không có nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà không có mang thai. Từ tháng 11/2019, bà đã dẫn hai con về cha mẹ đẻ ở tổ 3, ấp Tân Trung, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh sinh sống và ly thân với ông L cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm đến ai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang L. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm việc; Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Lê Quang L nhưng ông L vắng mặt không có lý do, ông L không có bản khai tại Tòa án.

Tòa án nhân dân thị xã Bình Long đã xác minh đối với bà Lê Anh Th là chị gái của ông Lê Quang L và được bà Th cung cấp thông tin như sau: Sau khi kết hôn vợ chồng ông L, bà Nh sống hạnh phúc đến đầu năm 2019, ông L, bà Nh đi làm công nhân. Sau khi đi làm công nhân cuối tuần về nhà bà Th thấy tình cảm của vợ chồng ông L, bà Nh không còn thân thiết, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Hiện nay, ông L bà Nh đã sống ly thân với nhau. Nay bà Nh cương quyết yêu cầu ly hôn với ông L theo quan điểm của bà Th Tòa án nên xem xét giải quyết ly hôn cho bà Nh và ông L.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Hồng Nh được ly hôn với bị đơn ông Lê Quang L. Giao hai con chung tên Lê Thái B, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Đức D, sinh ngày 26/5/2016 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng,

ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí bà Nh phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn bà Lê Hồng Nh (Sau đây gọi tắt là bà Nh) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Quang L (Sau đây gọi tắt là ông L) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn ông L hiện đang cư trú tại tổ 3, ấp Phú Thành, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Bình Long. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông L nhưng tại phiên tòa, ông L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nh và ông L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 10/7/2012. Việc kết hôn của bà Nh và ông L là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Căn cứ biên bản xác minh ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long thể hiện: Quá trình chung sống, bà Nh và ông L xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không còn thắm thiết, quan hệ hôn nhân không hạnh phúc. Bà Nh, ông L đã sống ly thân với nhau. Nội dung biên bản xác minh trên là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Nh trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4] *Về hòa giải đoàn tụ*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn ông L vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn

vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L.

[5] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông L trở nên trầm trọng, bà Nh và ông L đã sống ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nh đối với bị đơn ông L.

[6] *Về con chung*: Bà Nh và ông L có 02 con chung tên là Lê Thái B, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Đức D, sinh ngày 26/5/2016. Xét thấy, từ khi bà Nh và ông L sống ly thân với nhau, bà Nh là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con, hiện tại 02 con vẫn đang sinh sống với bà Nh và đi học ở xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Thái B có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Hiện tại bà Nh có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Do đó, nhằm để đảm bảo sự ổn định tâm lý, học tập và phát triển mọi mặt của hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu B cần giao hai cháu Lê Thái B và Lê Đức D cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nh không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*” “*Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình...không có giá ngạch án phí là 300.000 đồng*”. Do đó, nguyên đơn bà Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông L không phải chịu án phí.

[9] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh. Giao hai con chung là Lê Thái B, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Đức D, sinh ngày 26/5/2016 cho bà Nh trực tiếp

nuôi dưỡng. Về án phí bà Nh phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng Nh.

Bà Lê Hồng Nh được ly hôn với ông Lê Quang L.

Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thái B, sinh ngày 28/01/2013 và Lê Đức D, sinh ngày 26/5/2016 cho bà Lê Hồng Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nh không yêu cầu ông Lê Quang L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Quang L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng bà Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004765 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ông Lê Quang L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã Thanh Phú, Tx Bình Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Đức